

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần xi măng Hoàng Mai (Gọi tắt là Công ty) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty xi măng Hoàng Mai là Doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM). Công ty Cổ phần xi măng Hoàng Mai đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2703001834 ngày 01/04/2008.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 đồng tương ứng với 72.000.000 cổ phiếu được phát hành, mệnh giá một cổ phiếu là 10.000 đồng, trong đó các cổ đông sáng lập là :

-Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM), cổ đông Nhà nước nắm giữ 51.091.800 cổ phiếu tương ứng với 510.918.000.000 đồng chiếm 70.96% vốn điều lệ.

-Các cổ đông khác nắm giữ 20.908.200 cổ phiếu tương ứng với 209.082.000.000 đồng chiếm 29.04% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 09/07/2009 mã cổ phiếu HOM, số lượng cổ phiếu niêm yết 72.000.000 cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 975 người.

Nghành nghề kinh doanh :

- Sản xuất, kinh doanh xi măng, Clinker.
- Mua bán xi măng, Clinker, thiết bị phụ tùng, vật tư, công nghiệp.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng.
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Kinh doanh vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, pha sông biển.
- Kinh doanh đầu tư bất động sản.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch, thể thao.

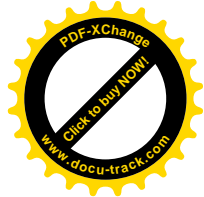
2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh Clinker và xi măng.

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán:

Cơ sở lập báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



- Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung

Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền :

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi, vàng bạc, kim khí quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho:

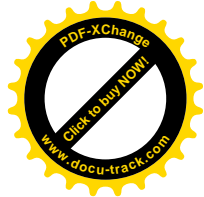
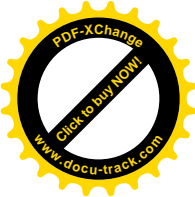
Hàng tồn kho được xác định dựa trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính, được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm: Đá vôi, đá sét, bột liệu, clinker và xi măng bột, Đá xây dựng. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định theo số lượng kiểm kê cuối kỳ, giá trị



dở dang được xác định theo chi phí phát sinh cộng giá trị dở dang đầu kỳ chia cho số lượng sản xuất và lượng dở dang đầu kỳ nhân với lượng dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm xi măng bao được xác định theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao:

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

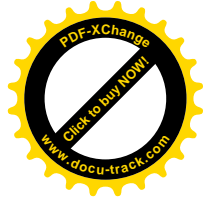
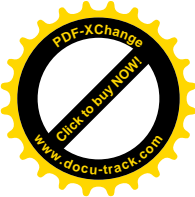
Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, theo công văn số 8153/TC/TCDN ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Bộ tài chính, về việc điều chỉnh khấu hao của máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất chính với thời gian tối đa là 20 năm, cụ thể khung thời gian sử dụng các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10-50
Máy móc thiết bị	10-20
- Trong đó thiết bị dây chuyền sản xuất XM	20
Phương tiện vận tải	8-15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5-10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao:

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của nhãn hiệu hàng hóa và các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Giá trị nhãn hiệu hàng hóa được hình thành qua xác định lại giá trị doanh nghiệp và được phê duyệt tại Quyết định số 1709/QĐ-XMVN ngày 12/10/2007 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hoá Công ty xi măng Hoàng Mai. Nhãn hiệu hàng hóa và các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng là 20 năm và 04 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:



Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn gồm chi phí biển quảng cáo, chi phí bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy, bảo hiểm rủi ro khác và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của Ngân hàng. Lãi tiền gửi được phản ánh trong doanh thu hoạt động tài chính của Công ty.

Ngoại tệ

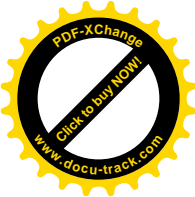
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn có gốc ngoại tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại các khoản mục tiền gửi ngân hàng, nợ dài hạn đến hạn trả không hạch toán vào chi phí mà để số dư trên Báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại các khoản nợ vay dài hạn được hạch toán vào Báo cáo kết quả.

Tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại ngày 31/12/2010 là 19.500 đồng/1 USD.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một số thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Các ưu đãi theo Luật khuyến khích đầu tư và giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của UBND Tỉnh Nghệ An cấp cho công ty, theo đó công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến 31/12/2010 Công ty chưa xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo như sau

Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Đặng Tăng Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Hoàng Xuân Vịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Phạm Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008

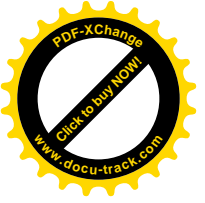
6. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Ngày 29 tháng 09 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Hoàng Mai đã có quyết định Số 03/QĐ.HĐQT-TC & quyết định số 08/QĐ.HĐQT-TC về việc “thôi giữ chức vụ giám đốc điều

giám
Hành Công ty CP Xi măng Hoàng Mai đối với ông Nguyễn Hữu Quang & bổ nhiệm chức vụ
điều hành Công ty CP Xi măng Hoàng Mai đối với Ông Nguyễn Trường Giang” từ 01/10/2010.

Thành viên Hội đồng quản trị sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	NQ số 10/NQ.HĐQT ngày 29/9/2010
Ông Đặng Tăng Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008



TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG HOÀNG MAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 31/12/2010



Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Hoàng Xuân Vịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008
Ông Phạm Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2008

